

Kế Sách, ngày 17 tháng 01 năm 2023.

Số: 04/2023/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 110/2022/TLST – DS, ngày 13 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1950. Địa chỉ: **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Tôn Huỳnh Văn H**, sinh năm 1992. Địa chỉ: **Số B, đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ**.

* Các bị đơn:

1. Bà **Lê Thị Thanh P**, sinh năm 1966 Địa chỉ: **Khu phố A, Thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang (nay là phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang)**.

2. Bà **Lê Thanh H1**, sinh năm 1975. Địa chỉ: **Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang**.

3. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1979. Địa chỉ: **Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang**.

4. Bà **Lê Thị Thanh Q**, sinh năm 1980. Địa chỉ: **Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang**.

5. Bà **Lê Thị Hoàng O**, sinh năm 1972. Địa chỉ: **Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang**.

6. Bà **Lê Thị Hoàng D**, sinh năm 1973. Địa chỉ: **Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang**.

7. Ông **Lê Sơn H2**, sinh năm 1969 Địa chỉ: **Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang**.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số F T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2022).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thúy N.
2. Ông Nguyễn Văn N1.
3. Chị Nguyễn Thiên N2.
4. Bà Phan Thúy K.
5. Ông Phan Văn H4.
6. Ông Phan Thanh S.
7. Bà Nguyễn Thị T1.
8. Chị Phan Yến V.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận phần đất thuộc thửa đất số 335 tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: T+LNK, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng của ông Phan Văn T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/4/1997 giữa ông Lê Văn Á và ông Phan Văn T (hình thức là Tờ trình đề ngày 21/4/1997 được Ủy ban nhân dân xã X xác nhận năm 2004). Diện tích đất công nhận cho ông T theo đo đạc thực tế tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/8/2022 là 1.483,4m² (góc hiệu 1, 2, 3, 4,5,6,17,18,19,20,1), thuộc thửa đất số 335, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (trong đó có 325,4m² diện tích thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Đường tỉnh lộ 932B, có 88,9m² diện tích thuộc đường tỉnh lộ 932B), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Lê Văn Á ngày 11/9/1993. Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 337 của ông Lê Văn Á, số đo 16,46m.
- Hướng Tây giáp lộ đal củ, có số đo 18,92m.
- Hướng Nam, giáp thửa 336 của ông Hồ Văn L1 đang sử dụng, có số đo 4,39m + 53,55m + 20,01m + 5,65m = 83,6m.
- Hướng Bắc, giáp thửa 334 của ông Trần Văn T2 đang sử dụng, có số đo 20,11m + 42,02m + 19,83m + 5,64m = 87,6m.

2.2. Công nhận phần đất thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: Q, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng của ông Phan Văn T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/4/1997 giữa ông Lê Văn Á và ông Phan Văn T (hình thức là Tờ trình đề ngày 21/4/1997 được Ủy ban nhân dân xã X xác nhận năm 2004). Diện tích đất công nhận cho ông T theo kết quả đo đạc thực tế tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/8/2022 là 4.872,5m² (góc hiệu 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 6), thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (trong đó có 311,2m² diện tích thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Đường

tỉnh lộ 932B; Có 63,2m² ông T chuyển nhượng cho ông Phan Thanh S, trong phần đất này có 47,7m² thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Đường tỉnh lộ 932B). Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 339 của ông Hồ Phú Q1, số đo 17,46m.
- Hướng Tây giáp đường T, có số đo 16,46m.
- Hướng Nam, giáp thửa 338 của ông Trần Quốc K1, có số đo 2,01m + 18,38m + 45,34m + 70,25m + 166,57m = 302,55m.
- Hướng Bắc, giáp thửa 332 của ông Trần Văn T2 đang sử dụng, có số đo 20,16m + 9,81m + 91,54m + 2,30m + 172,93m = 296,74m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2.3. Tài sản trên đất (thuộc thửa 335 và thửa 337, tờ bản đồ số 07) gồm có nhà, cây trồng và các công trình kiến trúc khác trên đất thì các đương sự thống nhất không tranh chấp.

2.4. Đối với hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Phan Văn T và ông Phan Thanh S có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/8/2022 là 63,2m², thuộc thửa 337, tờ bản đồ 07 tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng thì các bên đương sự thống nhất không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Ông Phan Văn T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đối với nhà, đất được giao.

2.6. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản là: 11.800.000 đồng, ông Phan Văn T đồng ý chịu 11.800.000 đồng và đã nộp xong.

2.7. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 150.000 đồng, các bị đơn đồng ý cùng liên đới chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Thị Bích Duyên

